

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA THANH HÓA

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	10 - 27

0 6 0 1 2 1

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Thanh Hóa (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Xuân Dũng	Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 02 tháng 4 năm 2014)
Ông Lê Văn Hiếu	Ủy viên	
Ông Nguyễn Quang Huynh	Ủy viên	
Ông Lương Xuân Dũng	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 02 tháng 4 năm 2014)
Ông Nguyễn Việt Hòa	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 02 tháng 4 năm 2014)
Ông Lê Ngọc Tụng	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 02 tháng 4 năm 2014)

Ban Giám đốc

Ông Vũ Xuân Dũng	Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2014)
Ông Nguyễn Kiên Cường	Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2014)
	Phó Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2014)
Ông Lê Nguyên Hùng	Phó Giám đốc	
Bà Lê Thị Hồng	Phó Giám đốc	

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA THANH HÓA
152 Quang Trung, phường Ngọc Trạo, thành phố Thanh Hóa,
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Kiên Cường
Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2015

123
NG
HIỆM
011
NA
T

Số: 703 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bia Thanh Hóa

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Bia Thanh Hóa (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 16 tháng 3 năm 2015 từ trang 05 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (gọi chung là “báo cáo tài chính riêng”).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng, các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 7 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, trong đó nêu rõ việc Công ty đang ghi nhận khoản phải thu đền bù giải phóng mặt bằng nhà máy Nghi Sơn. Việc giải phóng mặt bằng, xây dựng nhà máy Nghi Sơn được thực hiện theo chủ trương chung của tỉnh Thanh Hóa. Theo đó, Công ty có thể được bù trừ số tiền đã chi trả này với số tiền thuê đất phải trả trong tương lai và khoản phải thu này có thể thu hồi được. Công ty đang trong quá trình làm việc với các cơ quan hữu quan để có văn bản chính thức về vấn đề này. Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề không chắc chắn này. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được một công ty kiểm toán khác kiểm toán và phát hành báo cáo kiểm toán độc lập ngày 26 tháng 02 năm 2014 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0030-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 16 tháng 3 năm 2015
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Lê Anh Sơn
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1961-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		188.506.967.968	151.894.380.320
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	86.017.619.919	78.506.879.957
1. Tiền	111		24.761.653.583	8.316.008.579
2. Các khoản tương đương tiền	112		61.255.966.336	70.190.871.378
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		30.356.221.011	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	30.356.221.011	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		30.598.971.243	28.220.965.103
1. Phải thu khách hàng	131		4.474.285.787	10.546.413.462
2. Trả trước cho người bán	132		457.316.620	850.598.305
3. Các khoản phải thu khác	135	7	27.664.822.555	18.297.690.369
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.997.453.719)	(1.473.737.033)
IV. Hàng tồn kho	140		41.407.203.545	35.644.226.040
1. Hàng tồn kho	141	8	41.407.203.545	35.644.226.040
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		126.952.250	9.522.309.220
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	9.451.659.220
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		126.952.250	70.650.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		165.839.609.578	177.558.069.543
I. Tài sản cố định	220		136.570.356.035	157.049.330.309
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	132.862.172.869	153.182.189.351
- Nguyên giá	222		486.300.651.721	480.069.728.453
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(353.438.478.852)	(326.887.539.102)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	3.378.397.712	3.537.355.504
- Nguyên giá	228		5.848.911.447	5.848.911.447
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.470.513.735)	(2.311.555.943)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		329.785.454	329.785.454
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		17.790.431.000	20.195.206.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	11	17.489.225.000	19.894.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258		301.206.000	301.206.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		11.478.822.543	313.533.234
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		11.478.822.543	313.533.234
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		354.346.577.546	329.452.449.863

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		121.811.207.564	109.541.620.493
I. Nợ ngắn hạn	310		111.711.207.564	99.075.379.145
1. Phải trả người bán	312		10.841.257.533	13.177.255.963
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	39.340.920.067	23.538.597.283
3. Phải trả người lao động	315		15.456.820.135	12.360.683.624
4. Chi phí phải trả	316	13	6.643.790.000	6.643.790.000
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	25.836.358.759	23.633.663.927
6. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	15	5.200.000.000	7.958.719.587
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		8.392.061.070	11.762.668.761
II. Nợ dài hạn	330		10.100.000.000	10.466.241.348
1. Phải trả dài hạn khác	333	16	10.100.000.000	10.466.241.348
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		232.535.369.982	219.910.829.370
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	232.145.369.982	219.520.829.370
1. Vốn điều lệ	411		114.245.700.000	114.245.700.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.078.650.000	4.078.650.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		70.667.357.207	60.517.079.809
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		8.910.284.014	7.213.214.865
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		34.243.378.761	33.466.184.696
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		390.000.000	390.000.000
1. Nguồn kinh phí	432		390.000.000	390.000.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		354.346.577.546	329.452.449.863

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Đơn vị tính	31/12/2014	31/12/2013
1. Nợ khó đòi đã xử lý	VND	1.195.310.556	1.195.310.556
2. Ngoại tệ các loại			
- Đô la Mỹ	USD	430,13	443,10
- Euro	EUR	223,58	242,52


 Trần Ngọc Minh
 Người lập biểu
 Ngày 16 tháng 3 năm 2015


 Phùng Sỹ Hữu
 Kế toán trưởng



 Nguyễn Kiên Cường
 Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			2014	2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		664.393.175.531	627.520.652.043
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		233.859.130.156	225.164.335.658
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	18	430.534.045.375	402.356.316.385
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	19	346.503.461.540	318.160.992.827
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		84.030.583.835	84.195.323.558
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	10.402.698.508	4.264.542.021
7. Chi phí tài chính	22		-	281.208.536
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	281.208.536
8. Chi phí bán hàng	24		33.957.386.423	31.431.613.679
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		21.018.175.838	18.688.807.330
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-(24+25))	30		39.457.720.082	38.058.236.034
11. Thu nhập khác	31		1.995.149.579	2.967.365.275
12. Chi phí khác	32		211.028.038	102.698.537
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	22	1.784.121.541	2.864.666.738
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		41.241.841.623	40.922.902.772
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	8.011.437.933	10.981.519.786
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		33.230.403.690	29.941.382.986
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	2.909	2.621



Trần Ngọc Minh
Người lập biểu



Phùng Sỹ Hữu
Kế toán trưởng




Nguyễn Kiên Cường
Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	41.241.841.623	40.922.902.772
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	27.019.431.713	26.759.416.644
- Các khoản dự phòng	03	523.716.686	(4.264.542.021)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(10.579.318.290)	-
- Chi phí lãi vay	06	-	281.208.536
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	58.205.671.732	63.698.985.931
- Thay đổi các khoản phải thu	09	(7.251.317.250)	3.586.331.002
- Thay đổi hàng tồn kho	10	(5.762.977.505)	1.119.579.309
- Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	16.935.556.591	35.841.602.416
- Thay đổi chi phí trả trước	12	(3.077.257.789)	(7.727.294.217)
- Lãi vay đã trả	13	-	(281.208.536)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(9.892.721.362)	(12.739.479.451)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1.845.268.060	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(5.067.676.840)	(2.760.455.352)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	45.934.545.637	80.738.061.102
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(5.719.341.848)	(1.141.333.605)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	176.619.782	-
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(30.356.221.011)	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(14.682.000.000)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.193.007.802	4.264.542.021
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(29.705.935.275)	(11.558.791.584)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	72.906.502.095
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(86.094.082.346)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(8.717.870.400)	(19.623.912.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(8.717.870.400)	(32.811.492.751)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	7.510.739.962	36.367.776.767
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	78.506.879.957	42.139.103.190
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	86.017.619.919	78.506.879.957

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thông tin bổ sung cho khoản phi tiền tệ

Trong năm, khoản cổ tức phải trả cho Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội (Công ty mẹ của Công ty) được bù trừ với khoản phải thu Công ty mẹ với tổng số tiền là 10.681.967.000 VND. Theo đó, nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến biến động của tiền và một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần cổ tức đã trả cho các cổ đông và thay đổi các khoản phải thu.



Trần Ngọc Minh
Người lập biểu

Ngày 16 tháng 3 năm 2015



Phùng Sỹ Hữu
Kế toán trưởng



Nguyễn Kiên Cường
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Thanh Hóa (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 2800791192 ngày 24 tháng 3 năm 2004 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi.

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã giao dịch là THB.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 635 (31 tháng 12 năm 2013: 636).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Xây dựng nhà các loại;
- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp và khu dân cư;
- Cho thuê kho, sân bãi;
- Bán buôn thực phẩm;
- Dịch vụ khách sạn;
- Kinh doanh nguyên liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng phục vụ cho sản xuất kinh doanh của Công ty và phục vụ cho sản xuất kinh doanh các mặt hàng rượu, bia, nước giải khát;
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Sản xuất công nghiệp nước uống có cồn và không có cồn; sản xuất bia các loại, nước uống có gas, rượu vang đóng chai và đóng hộp, đá cây; sản xuất các sản phẩm rượu, bia, nước giải khát có gas và không có gas các loại, nước khoáng, nước uống thiên nhiên tinh khiết;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Kinh doanh các sản phẩm rượu, bia, nước giải khát có gas và không có gas các loại, nước khoáng, nước uống thiên nhiên tinh khiết;
- Nhập khẩu nguyên liệu, vật tư, thiết bị phục vụ cho sản xuất kinh doanh của Công ty và phục vụ cho sản xuất kinh doanh các mặt hàng rượu, bia, nước giải khát.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại rượu, bia, nước giải khát.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng này được lập riêng cho Công ty và không bao gồm báo cáo tài chính của công ty con. Tại báo cáo tài chính riêng này, khoản đầu tư vào các công ty con được trình bày theo giá gốc. Công ty lập và phát hành riêng báo cáo tài chính hợp nhất trong đó bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và công ty con.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo quy định.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2014 Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	4 - 12
Phương tiện vận tải	4 - 12
Dụng cụ quản lý	4 - 6

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn 2 năm.

Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Trong năm 2014, Công ty đã thay đổi ước tính kế toán liên quan đến thời gian phân bổ chi phí trả trước từ phân bổ trong vòng 2 năm theo năm xuất dùng sang phân bổ trong thời gian 2 năm theo thời điểm xuất dùng. Việc thay đổi ước tính kế toán này làm giảm chi phí và tăng lợi nhuận trước thuế của Công ty trong năm 2014 với số tiền là 4.074.468.041 VND.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KÊ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tiền mặt	80.891.685	216.234.205
Tiền gửi ngân hàng	24.680.761.898	8.099.774.374
Các khoản tương đương tiền (*)	61.255.966.336	70.190.871.378
	<u>86.017.619.919</u>	<u>78.506.879.957</u>

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng.

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	30.356.221.011	-
	<u>30.356.221.011</u>	<u>-</u>

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Phải thu tiền chi hộ tiền đền bù, giải phóng mặt bằng nhà máy Nghi Sơn (*)	1.159.348.481	1.159.348.481
Phải thu tiền cước chai két	18.039.730.000	15.288.777.500
Phải thu tiền lợi nhuận được chia	5.618.206.693	-
Phải thu lãi tiền gửi tạm tính	996.259.013	-
Phải thu khác	1.851.278.368	1.849.564.388
	<u>27.664.822.555</u>	<u>18.297.690.369</u>

(*) Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng nhà máy Nghi Sơn do Công ty đã chi trả. Việc giải phóng mặt bằng, xây dựng nhà máy Nghi Sơn được thực hiện theo chủ trương chung của tỉnh Thanh Hóa. Theo đó, Công ty có thể được bù trừ số tiền đã chi trả này với số tiền thuế đất phải trả trong tương lai và khoản phải thu này có thể thu hồi được. Công ty đang trong quá trình làm việc với các cơ quan hữu quan để có văn bản chính thức về vấn đề này. Ban Giám đốc đánh giá một cách thận trọng và xác định ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề trên đến báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 là không trọng yếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

8. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	17.671.095.989	17.516.480.352
Công cụ, dụng cụ	3.375.925	146.028.769
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	17.075.421.553	14.166.797.200
Thành phẩm	6.657.310.078	3.814.919.719
	<u>41.407.203.545</u>	<u>35.644.226.040</u>

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	59.320.563.251	411.996.460.674	8.338.896.363	413.808.165	480.069.728.453
Tăng do mua sắm	-	4.553.822.728	1.455.300.000	-	6.009.122.728
Tăng khác	-	544.329.340	-	-	544.329.340
Thanh lý, nhượng bán	-	(322.528.800)	-	-	(322.528.800)
Tại ngày 31/12/2014	<u>59.320.563.251</u>	<u>416.772.083.942</u>	<u>9.794.196.363</u>	<u>413.808.165</u>	<u>486.300.651.721</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2014	28.375.325.845	291.115.141.835	7.014.332.954	382.738.468	326.887.539.102
Khấu hao trong năm	3.490.067.066	22.421.115.250	929.346.757	19.944.848	26.860.473.921
Tăng khác	-	12.994.629	-	-	12.994.629
Thanh lý, nhượng bán	-	(322.528.800)	-	-	(322.528.800)
Tại ngày 31/12/2014	<u>31.865.392.911</u>	<u>313.226.722.914</u>	<u>7.943.679.711</u>	<u>402.683.316</u>	<u>353.438.478.852</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2014	<u>27.455.170.340</u>	<u>103.545.361.028</u>	<u>1.850.516.652</u>	<u>11.124.849</u>	<u>132.862.172.869</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>30.945.237.406</u>	<u>120.881.318.839</u>	<u>1.324.563.409</u>	<u>31.069.697</u>	<u>153.182.189.351</u>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 195.681.663.116 VND (31 tháng 12 năm 2013: 187.600.135.135 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2014	3.752.531.000	2.096.380.447	5.848.911.447
Tại ngày 31/12/2014	3.752.531.000	2.096.380.447	5.848.911.447
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2014	478.354.336	1.833.201.607	2.311.555.943
Khấu hao trong năm	75.050.620	83.907.172	158.957.792
Tại ngày 31/12/2014	553.404.956	1.917.108.779	2.470.513.735
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2014	3.199.126.044	179.271.668	3.378.397.712
Tại ngày 31/12/2013	3.274.176.664	263.178.840	3.537.355.504

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ	Tỷ lệ quyền	Hoạt động chính
		phần sở hữu	biểu quyết năm giữ	
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Thanh Hóa	Thanh Hóa	100%	100%	Kinh doanh bia, rượu, nước giải khát

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	3.924.285.913	2.385.037.895
Thuế tiêu thụ đặc biệt	34.170.023.252	18.016.682.107
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.240.594.952	3.121.878.381
Thuế thu nhập cá nhân	6.015.950	14.998.900
	39.340.920.067	23.538.597.283

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả là giá trị hệ thống tiết kiệm năng lượng, giảm khí thải của tổ chức NEDO theo chương trình viện trợ không hoàn lại (Dự án CDM - Sản xuất sạch). Tài sản này đã được thẩm định giá trị khi xác định giá trị doanh nghiệp Nhà nước để cổ phần hóa và được Bộ Tài chính giao cho Công ty quản lý và sử dụng mà không ghi tăng vốn điều lệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	-	739.564.316
Phải trả, phải nộp khác	25.836.358.759	22.894.099.611
- Lãi vay phải trả Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa (*)	796.003.662	796.003.662
- Lãi vay phải trả Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa (*)	4.502.356.991	4.502.356.991
- Lãi vay phải trả Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa (trước đây là Quỹ hỗ trợ phát triển tỉnh Thanh Hóa) (*)	726.984.367	726.984.367
- Phải trả tiền cược chai, két	17.597.340.978	14.820.308.940
- Cổ tức phải trả	638.497.100	616.565.500
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.575.175.661	1.431.880.151
	<u>25.836.358.759</u>	<u>23.633.663.927</u>

(*) Thể hiện chi phí lãi vay phải trả phát sinh khi sáp nhập Công ty Hara Thanh Hóa (trước đây là Xí nghiệp nước giải khát Hara) vào Công ty Cổ phần Bia Thanh Hóa (trước đây là Công ty Bia Thanh Hóa). Công ty đang trong quá trình làm việc với các cơ quan hữu quan để xác định đầy đủ nghĩa vụ các khoản phải trả liên quan. Theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty, các nghĩa vụ phải trả phát sinh thêm, nếu có sẽ không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

15. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Dự phòng phải trả ngắn hạn là các khoản chi phí trích lập quỹ lương dự phòng để bổ sung vào quỹ tiền lương của năm sau nhằm bảo đảm việc trả lương không bị gián đoạn. Việc trích lập quỹ lương dự phòng năm 2015 đã được phê duyệt theo Quyết định số 250/QĐ-HĐQT-THB ngày 12/12/2014 của Hội đồng Quản trị.

16. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		
- Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Thanh Hóa	10.000.000.000	10.000.000.000
- Các đối tượng khác	100.000.000	466.241.348
	<u>10.100.000.000</u>	<u>10.466.241.348</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA THANH HÓA152 Quang Trung, phường Ngọc Trạo, thành phố Thanh Hóa,
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt NamBảo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***MÃU SỐ B 09-DN****17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2013	114.245.700.000	4.078.650.000	54.701.809.756	5.788.935.865	32.010.398.763	210.825.494.384
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	29.941.382.986	29.941.382.986
Phân phối lợi nhuận	-	-	5.815.270.053	1.424.279.000	(8.663.828.053)	(1.424.279.000)
Trả cổ tức trong năm	-	-	-	-	(19.421.769.000)	(19.421.769.000)
Thường Ban điều hành	-	-	-	-	(400.000.000)	(400.000.000)
Số dư tại ngày 01/01/2014	114.245.700.000	4.078.650.000	60.517.079.809	7.213.214.865	33.466.184.696	219.520.829.370
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	33.230.403.690	33.230.403.690
Phân phối lợi nhuận	-	-	10.150.277.398	1.697.069.149	(13.544.415.696)	(1.697.069.149)
Trả cổ tức trong năm	-	-	-	-	(19.421.769.000)	(19.421.769.000)
Thường Ban điều hành	-	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Điều chỉnh theo kết quả thanh tra thuế	-	-	-	-	1.012.975.071	1.012.975.071
Số dư tại ngày 31/12/2014	114.245.700.000	4.078.650.000	70.667.357.207	8.910.284.014	34.243.378.761	232.145.369.982

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty là 114.245.700.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

Vốn thực góp đến ngày 31/12/2014	
Số cổ phần	Tỷ lệ
	Thành tiền VND
	6.283.510
55%	62.835.100.000
	5.141.060
45%	51.410.600.000
	11.424.570
100%	114.245.700.000

Tổng Công ty Cổ phần Bía - Rượu - Nước giải khát Hà Nội
Các cổ đông khác

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA THANH HÓA152 Quang Trung, phường Ngọc Trạo, thành phố Thanh Hóa,
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Cổ tức và các quỹ**

Theo Nghị quyết số 119/NQ-ĐHĐCĐ-THB ngày 02 tháng 4 năm 2014, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2013 như sau:

- Chia cổ tức theo tỷ lệ 17% vốn điều lệ với giá trị:	19.421.769.000 VND
- Trích quỹ đầu tư phát triển:	10.150.277.398 VND
- Trích quỹ dự phòng tài chính (5% lợi nhuận sau thuế 2013):	1.697.069.149 VND
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (5% lợi nhuận sau thuế 2013):	1.697.069.149 VND

Công ty đã thực hiện trích lập các quỹ và chi trả cổ tức theo đúng Nghị quyết trên.

Cổ phiếu

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	11.424.570	11.424.570
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành ra công chúng	11.424.570	11.424.570
Số lượng cổ phiếu phổ thông hiện đang lưu hành	11.424.570	11.424.570

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

18. DOANH THU

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	657.605.889.642	622.595.105.938
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.787.285.889	4.925.546.105
	<u>664.393.175.531</u>	<u>627.520.652.043</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Thuế tiêu thụ đặc biệt	233.853.149.248	225.164.335.658
Hàng bán bị trả lại	5.980.908	-
	<u>233.859.130.156</u>	<u>225.164.335.658</u>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>430.534.045.375</u>	<u>402.356.316.385</u>

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm và cung cấp dịch vụ	346.503.461.540	318.160.992.827
	<u>346.503.461.540</u>	<u>318.160.992.827</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA THANH HÓA152 Quang Trung, phường Ngọc Trạo, thành phố Thanh Hóa,
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	274.022.951.350	235.328.983.027
Chi phí nhân công	54.419.005.204	61.639.499.114
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.337.523.719	26.759.416.644
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.407.986.215	22.232.627.489
Chi phí khác	21.291.557.313	22.320.887.562
	<u>401.479.023.801</u>	<u>368.281.413.836</u>

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Tiền cho vay	4.749.055.815	4.143.479.021
Cổ tức	35.436.000	121.063.000
Lợi nhuận tạm chia từ Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Thanh Hóa	5.618.206.693	-
	<u>10.402.698.508</u>	<u>4.264.542.021</u>

22. LỢI NHUẬN KHÁC

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	202.119.782	-
Thu từ các khoản nợ khó đòi đã xóa sổ	594.443.925	70.022.275
Hoàn nhập quỹ lương dự phòng năm 2012	-	2.897.343.000
Thu từ thanh lý vỏ keg cũ	1.197.899.508	-
Thu nhập khác	686.364	-
Thu nhập khác	<u>1.995.149.579</u>	<u>2.967.365.275</u>
Chi phí thanh lý tài sản cố định	25.500.000	-
Chi phí khác	185.528.038	102.698.537
Chi phí khác	<u>211.028.038</u>	<u>102.698.537</u>
Lợi nhuận khác	<u>1.784.121.541</u>	<u>2.864.666.738</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA THANH HÓA152 Quang Trung, phường Ngọc Trạo, thành phố Thanh Hóa,
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	41.241.841.623	40.922.902.772
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	5.653.642.693	121.063.000
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	827.428.038	1.514.122.738
Thu nhập chịu thuế	36.415.626.968	42.315.962.510
Thuế suất thông thường	22%	25%
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước	-	402.529.159
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	8.011.437.933	10.981.519.786

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	33.230.403.690	29.941.382.986
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	11.424.570	11.424.570
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	2.909	2.621

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	86.017.619.919	78.506.879.957
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	232.145.369.982	219.520.829.370
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA THANH HÓA152 Quang Trung, phường Ngọc Trạo, thành phố Thanh Hóa,
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	86.017.619.919	78.506.879.957
Đầu tư ngắn hạn	30.356.221.011	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	30.141.654.623	27.370.366.798
Đầu tư dài hạn	301.206.000	301.206.000
Tổng cộng	146.816.701.553	106.178.452.755
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	41.877.616.292	36.071.355.574
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	10.100.000.000	10.466.241.348
Tổng cộng	51.977.616.292	46.537.596.922

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Các khoản phải thu khách hàng chủ yếu đến từ các bên liên quan như đã trình bày ở Thuyết minh số 26 được Ban Giám đốc đánh giá có chất lượng tín dụng cao và các khoản phải thu khác như đã trình bày ở Thuyết minh số 7 được Ban Giám đốc đánh giá có chất lượng tín dụng thấp đã được Công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 với số tiền là 1.997.453.719 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	86.017.619.919	-	86.017.619.919
Đầu tư ngắn hạn	30.356.221.011	-	30.356.221.011
Phải thu khách hàng và phải thu khác	30.141.654.623	-	30.141.654.623
Đầu tư dài hạn	-	301.206.000	301.206.000
Tổng cộng	146.515.495.553	301.206.000	146.816.701.553
Phải trả người bán và phải trả khác	41.877.616.292	-	41.877.616.292
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	10.100.000.000	10.100.000.000
Tổng cộng	41.877.616.292	10.100.000.000	51.977.616.292
Chênh lệch thanh khoản thuần	104.637.879.261	(9.798.794.000)	94.839.085.261

31/12/2013	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	78.506.879.957	-	78.506.879.957
Phải thu khách hàng và phải thu khác	27.370.366.798	-	27.370.366.798
Đầu tư dài hạn	-	301.206.000	301.206.000
Tổng cộng	105.877.246.755	301.206.000	106.178.452.755
Phải trả người bán và phải trả khác	36.071.355.574	-	36.071.355.574
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	10.466.241.348	10.466.241.348
Tổng cộng	36.071.355.574	10.466.241.348	46.537.596.922
Chênh lệch thanh khoản thuần	69.805.891.181	(10.165.035.348)	59.640.855.833

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA THANH HÓA152 Quang Trung, phường Ngọc Trạo, thành phố Thanh Hóa,
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan trong năm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Thanh Hóa (trước đây là Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội - Thanh Hóa)	Công ty con
Công ty TNHH MTV Thương mại Habeco	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thái Bình	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Bao bì Habeco	Cùng Công ty mẹ

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2014	2013
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội		
- <i>Mua nguyên vật liệu</i>	105.865.371.145	80.231.647.230
- <i>Bán nguyên vật liệu</i>	28.738.086	-
- <i>Bán thành phẩm</i>	311.243.171.815	292.343.125.452
- <i>Chia cổ tức</i>	10.681.967.000	10.681.967.000
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Thanh Hóa (trước đây là Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội - Thanh Hóa)		
- <i>Bán thành phẩm</i>	326.821.483.720	310.010.753.819
- <i>Cung cấp điện, nước</i>	527.133.100	96.826.191
- <i>Giá trị kết bìa, vỏ chai cho mượn</i>	154.375.495.750	134.998.997.500
- <i>Nhận ký quỹ</i>	-	9.200.000.000
- <i>Lợi nhuận tạm chia</i>	5.618.206.693	-
- <i>Cổ tức được nhận</i>	2.404.775.000	85.627.000
Công ty TNHH MTV Thương mại Habeco		
- <i>Cho thuê kho bãi</i>	685.882.704	665.585.456
Công ty Cổ phần Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát		
- <i>Mua nắp chai</i>	9.147.533.120	10.043.669.600
- <i>Nhận cổ tức</i>	35.436.000	-
Công ty Cổ phần Bao bì Habeco		
- <i>Mua nguyên vật liệu</i>	673.140.000	-
Công ty TNHH Thủy tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng		
- <i>Mua công cụ, dụng cụ</i>	1.743.588.000	5.557.716.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Phải thu		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội	2.564.359.039	6.115.033.881
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Thanh Hóa (trước đây là Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội - Thanh Hóa)	134.088.349	2.631.746.547
Công ty TNHH MTV Thương mại Habeco	205.201.365	207.624.201
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thái Bình	96.900.000	96.900.000
Phải thu khác - Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Thanh Hóa (trước đây là Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội - Thanh Hóa)		
Tiền cược vỏ chai, kết	18.039.730.000	15.288.777.500
Phải thu lợi nhuận tạm chia	5.618.206.693	85.627.000
Phải trả		
Công ty Cổ phần Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát	563.866.600	623.975.000
Công ty TNHH Thủy tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng	-	1.834.945.200
Công ty Cổ phần Bao bì Habeco	240.240.000	-
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Thanh Hóa (trước đây là Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội - Thanh Hóa)	10.000.000.000	10.000.000.000

Thu nhập các thành viên của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị được hưởng trong năm như sau:

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Thù lao	492.000.000	465.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA THANH HÓA152 Quang Trung, phường Ngọc Trạo, thành phố Thanh Hóa,
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***27. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay như sau:

Bảng cân đối kế toán

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Mã số</u>	<u>Số đã báo cáo</u> VND	<u>Phân loại lại</u> VND	<u>Số sau phân loại lại</u> VND
Phải trả người lao động	315	20.319.403.211	(7.958.719.587)	12.360.683.624
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	-	7.958.719.587	7.958.719.587

Báo cáo kết quả kinh doanh

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Mã số</u>	<u>Số đã báo cáo</u> VND	<u>Phân loại lại</u> VND	<u>Số sau phân loại lại</u> VND
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	310.202.273.240	7.958.719.587	318.160.992.827
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	26.647.526.917	(7.958.719.587)	18.688.807.330

Trần Ngọc Minh
Người lập biểu**Phùng Sỹ Hữu**
Kế toán trưởng
Nguyễn Kiên Cường
Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2015